TÒA ÁN ND HUYỆN VĨNH LỘC **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc l ập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13 /2018/HNGĐ-ST

Ngày 06 /02/2018

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Dung

2. Ông Hà Văn Phấn

- Thư ký phiên tòa: ông Bùi Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa không tham gia phiên tòa

Trong ngày 06 tháng 02 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P

Địa chỉ: Số nhà 45 – đường T, phường Đ, Thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn P1

Địa chỉ: Thôn 8, xã A, huyện L, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt chị Nguyễn Thị P, vắng mặt anh Lê Văn P1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

- **Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị P và anh Lê Văn P1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 09/01/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp, vợ, chồng bất đồng nhiều quan điểm sống. Chị P và anh P1 đã sống ly thân từ năm 2012. Đến nay chị P xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc đã thực sự tan vỡ, nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn P1.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Văn L

Khi ly hôn chị Nguyễn Thị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Văn L và không yêu cầu anh Lê Văn P1 phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Vợ chồng không cho ai vay nợ và không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh Lê Văn P1 đã được nhận thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhưng anh P1 cố tình không đến làm việc tại Tòa án.

Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa cũng đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Lê Văn P1 nhưng tại phiên tòa ngày 19/01/2018 anh P1 vắng mặt. Tại phiên tòa ngày hôm nay anh Lê Văn P1 vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn và con chung đối với anh Lê Văn P1, cư trú tại huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm b khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Lê Văn P1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị P và anh Lê Văn P1 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp, vợ, chồng bất đồng quan điểm sống, thực tế vợ, chồng đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Giữa chị P và anh P1 không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở nên yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị P chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ, chồng chị P, anh P1 có con chung là cháu Lê Văn L. Hiện nay cháu Lê Văn L đang ở với anh Lê Văn P1. Chị Nguyễn Thị P đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Văn L và không yêu cầu anh P1 phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị P có công việc thu nhập ổn định có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu L phát triển tốt cả về vật chất lẫn tinh thần. Nên yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị P được chấp nhận. Chị P không yêu cầu anh P1 đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, đây là sự tự nguyện của chị P và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Lê Văn P1.

2. Về con chung:

2.1 Giao con chung của chị Nguyễn Thị P và anh Lê Văn P1 là cháu Lê Văn L cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Anh Lê Văn P1 không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị P.

Anh Lê Văn P1 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) , theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/02718 ngày 28/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Như vậy chị P đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Lê Văn P1 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- UBND phường T,
Thành phố Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Tuấn